

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2018/DS-PT

Ngày 30-10-2018

V/v: *Tranh chấp liên quan
đến yêu cầu tuyên bố văn bản
công chứng vô hiệu và yêu
cầu hủy giấy chứng nhận
QSDD*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhân

Ông Bùi Văn Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham dự phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mến – Kiểm sát viên

Trong các ngày 23 và ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2018/TLPT-DS ngày 11 tháng 9 năm 2018 về việc: *Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDD*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS –ST ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 103/2018/QĐPT-DS ngày 27 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2018/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn H;

Trụ sở chính: 62/36 Trương Công Đ, phường 14, quận T, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thanh S – chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Minh Ph– SN: 1977 (có mặt)

Địa chỉ: 10/7 Lê Thánh T, phường 3, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

2. Bị đơn:

Bà Lê Thị C – SN: 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1b, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước

Ông Nguyễn Ngọc Kh – SN : 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Văn phòng công chứng B
Trụ sở chính: Đường H, Phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh H – chức vụ: Trưởng Văn phòng công chứng B ;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường Th , sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp 3, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.
Người kháng cáo: Công ty trách nhiệm hữu hạn H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H (sau đây viết tắt là Công ty H) trình bày:

Theo bản án số 06/2014/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2014 đã có hiệu lực của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước thì Bà Lê Thị C phải trả cho Công ty H số tiền là 310.804.855 đồng.

Trên cơ sở đó, Công ty H có đơn yêu cầu thi hành án gửi Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ đề nghị cho thi hành bản án nói trên. Quá trình thực hiện việc thi hành án, Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ đã ban hành thông báo số 40A/TB-CCTHA ngày 28 tháng 1 năm 2016 về điều kiện thi hành án của bà Lê Thị Cúc. Theo đó “ Bà Lê Thị C có tài sản duy nhất là quyền sử dụng đất có diện tích 296,2 m² (trong đó có 100 m² ONT + 196,2 m² CLN) thuộc thửa 187, tờ bản đồ số 32 do UBND thị xã Đ cấp ngày 10 tháng 01 năm 2012 cho Bà Lê Thị C và tài sản gắn liền trên đất. Ngày 24 tháng 10 năm 2014, Bà Lê Thị C chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Ngọc Kh theo hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 0999 ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Văn phòng công chứng B Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ thông báo cho Công ty H được biết để yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 0999 ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Văn phòng công chứng B vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó. Sau khi có kết quả giải quyết của Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền, Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ sẽ tiếp tục giải quyết theo luật định.”

Từ căn cứ thông tin nêu trên, thấy rằng tài sản là quyền sử dụng đất của Bà Lê Thị C sẽ được dùng để thi hành án theo bản án số 06/2014/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2014 đã có hiệu lực của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước đối với Công ty H . Việc Bà Lê Thị C chuyển nhượng tài sản này cho Ông Nguyễn Ngọc Kh là hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

Vì vậy, Công ty H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa Bà Lê Thị C và Ông Nguyễn Ngọc Kh được Văn phòng công chứng B công chứng ngày 15 tháng 10

năm 2014 tại số công chứng 0999, quyền số 2/TP/CC-SCC/HĐGD 15 tháng 10 năm 2014 là vô hiệu.

- Tuyên bố văn bản số 0999, quyền số 2/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Văn phòng công chứng B là vô hiệu.

- Tuyên hủy giấy chứng nhận QSDĐ và tài sản gắn liền với đất của cơ quan có thẩm quyền đối với Ông Nguyễn Ngọc Kh (nếu có).

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bị đơn Bà Lê Thị C và ông Nguyễn Ngọc Kh vắng mặt nên không có lời trình bày. Tại cấp phúc thẩm trong đơn xin xét xử vắng mặt ông Kh đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đại diện Văn phòng công chứng B trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc Kh và Bà Lê Thị C thực hiện giao dịch chuyển nhượng QSDĐ vào ngày 15 tháng 10 năm 2014 trên tinh thần tự nguyện và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Ông Kh và bà C xuất trình đầy đủ bản chính các loại giấy tờ như: giấy CMND; Hộ khẩu, chứng nhận tình trạng hôn nhân của bà C ; Giấy chứng nhận QSDĐ. Vì vậy, Văn phòng công chứng B căn cứ vào các Điều 4 và 17 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 35; 36; 41 Luật công chứng năm 2006 đã tiến hành công chứng cho hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa bà C và ông Kh vào ngày 15 tháng 10 năm 2014 tại văn bản công chứng số 0999, quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 29/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước quyết định:

Áp dụng: Khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 4; 17; 121; 122; 401; 688 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Các Điều 35; 36; 41 Luật công chứng năm 2006

- Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-Cp ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự

- Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Humana Việt Nam về việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa Bà Lê Thị C và Ông Nguyễn Ngọc Kh được Văn phòng công chứng B công chứng ngày 15 tháng 10 năm 2014 tại số công chứng 0999, quyền số 2/TP/CC-SCC/HĐGD 15 tháng 10 năm 2014 là vô hiệu; tuyên bố văn bản số 0999, quyền số 2/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Văn phòng công chứng B là vô hiệu và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ của Ông Nguyễn Ngọc Kh

mà thực chất là yêu cầu hủy kết quả chính lý biến động QSDĐ (trang 4) đã được Văn phòng đăng ký QSDĐ (nay là Văn phòng đăng ký đất đai) xác nhận ngày 24 tháng 10 năm 2014 tại giấy chứng nhận QSDĐ số CH4173/QSDĐ do UBND thị xã Đ cấp cho Bà Lê Thị C .

2. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ-BPKCTT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ sẽ hết hiệu lực khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 11/6/2018 nguyên đơn Công ty H Việt Nam có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty H .

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 308, Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do đây là việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 20/12/2017 Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thụ lý vụ án. Ngày 26/12/2017 Tòa án cấp sơ thẩm ra thông báo số 161/TB-TA về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thời gian vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 12/01/2018. Sau đó, đến ngày 28/12/2017 Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành niêm yết thông báo thụ lý số 161/TBTL-VA ngày 20/12/2018 và thông báo số 161/TB-TA về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn Bà Lê Thị C và ông Nguyễn Ngọc Kh . Ngày 08/3/2018 Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xác minh nơi cư trú của Bà Lê Thị C và ông Nguyễn Ngọc Kh . Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục cấp, tổng đạt văn bản cho đương sự theo quy định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên những vi phạm trên của Tòa án cấp sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự cũng như nội dung vụ án mà cần rút kinh nghiệm.

Bị đơn bà Lê Thị Cúc, Ông Nguyễn Ngọc Kh đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bà C , ông Kh không đến Tòa án để làm việc,

không tham dự phiên tòa nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án sơ thẩm tiến hành giải quyết vắng mặt bà C , ông Kh là theo đúng quy định pháp luật.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm bà C , ông Kh đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Theo Bản án kinh doanh thương mại số 06/2014/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước thì Bà Lê Thị C phải trả cho Công ty H số tiền còn nợ lại trong hợp đồng mua bán hàng hóa là 310.804.855 đồng.

Sau khi bản án kinh doanh thương mại số 06/2014/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước có hiệu lực pháp luật thì đến ngày 03 tháng 12 năm 2015 (tức là 14 tháng 03 ngày) Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Bình Phước mới nhận được đơn yêu cầu thi hành án của Công ty H .

Về tài sản để đảm bảo thi hành án trong quá trình xác minh điều kiện thi hành án của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ thì Bà Lê Thị C có tài sản duy nhất là quyền sử dụng đất có diện tích 296,2 m² (trong đó có 100 m² ONT + 196,2 m² CLN) thuộc thửa 187, tờ bản đồ số 32 do UBND thị xã Đ cấp ngày 10 tháng 01 năm 2012 tại số sổ CH4173/QSDĐ cho Bà Lê Thị C và tài sản gắn liền trên đất. Quá trình giải quyết vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại, phía Công ty H không yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 296,2 m² và tài sản gắn liền trên đất của bà C , dẫn đến tài sản trên không bị bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào kê biên, cấm dịch chuyển. Do vậy, ngày 15 tháng 10 năm 2014 khi bà C chuyển nhượng toàn bộ phần đất và tài sản gắn liền với đất trên cho ông Khánh, Văn phòng công chứng B đã căn cứ vào các quy định của pháp luật tại Điều 4; 17 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 35; 36; 41 Luật công chứng năm 2006 để xác nhận giao dịch chuyển nhượng tài sản giữa bà C và ông Kh vào ngày 15 tháng 10 năm 2014 đối với toàn bộ phần đất và tài sản gắn liền với đất được vào sổ công chứng 0999, quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGD. Xét thấy, việc xác nhận trên của Văn phòng công chứng B là phù hợp pháp luật được quy định tại Điều 4; 17 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 35; 36; 41 Luật công chứng năm 2006.

Sau khi thực hiện giao dịch chuyển nhượng, ông Kh đã làm thủ tục và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Văn phòng đăng ký đất đai) chỉnh lý biến động QSDĐ với nội dung chấp thuận cho bà C chuyển nhượng QSDĐ cho ông Kh vào ngày 24 tháng 10 năm 2014. Như vậy, việc ông Kh nhận chuyển nhượng QSDĐ của bà C là hợp pháp. Trong đó bà C là người có tài sản chuyển nhượng cần bán tại thời điểm đó chưa có cơ quan có thẩm quyền nào kê

biên, cấm dịch chuyển tài sản, còn ông Kh là người mua ngay tình có nhu cầu sử dụng đất.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn cũng không xuất trình được chứng cứ nào khác. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty H không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

Do kháng cáo của nguyên đơn Công ty H không được chấp nhận nên căn cứ Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ-BPĐ ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài. Giải tỏa đối với Tài khoản bị phong tỏa: 0251002695943; Tên tài khoản: Công ty TNHH Humana Việt Nam; Số tiền phong tỏa: 50.000.000 đồng theo xác nhận phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng TMCP N Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước ngày 19/4/2018.

[4] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng đây là việc dân sự nên cần hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ xét xử phúc thẩm là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[5] Án phí: Án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty TNHH Humana không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH Humana không được chấp nhận nên Công ty TNHH Humana phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 29/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 4; 17; 121; 122; 401; 688 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng các Điều 35; 36; 41 Luật công chứng năm 2006

Áp dụng khoản 1 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ- CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự.

Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H về việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa Bà Lê Thị C và Ông Nguyễn Ngọc Kh được Văn phòng công chứng B công chứng ngày 15 tháng 10 năm 2014 tại số công chứng 0999, quyền số 2/TP/CC-SCC/HĐGD 15 tháng 10 năm 2014 là vô hiệu; tuyên bố văn bản số 0999, quyền số 2/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Văn phòng công chứng B là vô hiệu và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ của Ông Nguyễn Ngọc Kh mà thực chất là yêu cầu hủy kết quả chỉnh lý biến động QSDĐ (trang 4) đã được Văn phòng đăng ký QSDĐ (nay là Văn phòng đăng ký đất đai) xác nhận ngày 24 tháng 10 năm 2014 tại giấy chứng nhận QSDĐ số CH4173/QSDĐ do UBND thị xã Đ cấp cho Bà Lê Thị C .

2. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ-BPĐ ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài. Giải tỏa đối với Tài khoản bị phong tỏa: 0251002695943; Tên tài khoản: Công ty TNHH Humana Việt Nam; Số tiền phong tỏa: 50.000.000 đồng theo xác nhận phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng TMCP N Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước ngày 19/4/2018.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải chịu là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000017 ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải chịu là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000421 ngày 29 tháng 06 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Tòa án nhân dân thị xã Đ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Đ;
- Những người tham gia tổ tụng;
- Cổng thông tin điện tử Toà án nhân dân tối cao;
- Lưu HS, TDS, VP.

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh